

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 231 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Thủy lợi; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Địa chất và Khoáng sản; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ các Luật: Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 12/12/2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022; Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008; An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013; Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017; Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023; Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y; số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm

quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực Tài nguyên nước; số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm; số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và thủy sản; số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6527/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (đợt 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1201/TTr-SNNMT ngày 31/12/2025

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết 103 thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Thủy lợi; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Địa chất và Khoáng sản; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Thời hạn ủy quyền: Từ ngày ký quyết định này đến hết ngày 31/12/2028.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hàng quý, năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về kết quả thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có vấn đề đột xuất, phát sinh kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Quyết định: số 4582/QĐ-UBND ngày 03/9/2025, số 3977/QĐ-UBND ngày 29/7/2025, số 5214/QĐ-UBND ngày 18/10/2025, số 5453/QĐ-UBND ngày 05/11/2025, số 6231/QĐ-UBND ngày 15/12/2025, số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, số 3204/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PCVP,
- các phòng: NC, NNMT, TH, KT;
- Lưu: VT, NC(Đăng)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Quyền

Phụ lục

**NỘI DUNG ỦY QUYỀN THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TTHC CỦA CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHO GIÁM ĐỐC SỞ, CHỦ TỊCH ỦY BAN
NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

Stt		Danh mục TTHC	Nội dung ủy quyền
*		Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản (08 TTHC)	
1.	1	Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)	1. Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với các cơ sở thuộc diện phải cấp giấy, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cấp thành phố cấp); 2. Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với các cơ sở thuộc diện phải cấp giấy, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cấp xã, phường cấp hoặc do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trước ngày 01/7/2025).
2.	2	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2.001730)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3.	3	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS)

		và Môi trường (2.001726)	đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4.	4	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003111)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.
5.	5	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 (1.003082)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.
6.	6	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (1.003058)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.
7.	7	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước (2.001254)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.
8.	8	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (1.002996)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Trả lời kết quả bằng Văn bản về việc miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm.
*		Lĩnh vực Trồng trọt (12 TTHC)	
9.	1	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc (1.012070)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ hoặc thông báo từ chối.
10.	2	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định công nhận các tiêu chuẩn Thực

		trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (1.010090)	hành nông nghiệp tốt khác.
11.	3	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. (1.007994)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng.
12.	4	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng). (1.007999)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng.
13.	5	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012072)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.
14.	6	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012073)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.
15.	7	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ (1.012071)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.
16.	8	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra	Chủ tịch UBND Thành phố ủy

		ngành vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012062)	quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy chứng nhận kiểm tra ngành vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.
17.	9	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (1.007998)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng; Quyết định về việc cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.
18.	10	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012063)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thông báo ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.
19.	11	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (1.012064)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thông báo ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.
20.	12	Đăng ký dự kiểm tra ngành vụ giám định quyền đối với giống cây trồng (1.011998)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định chấp nhận đề nghị đăng ký dự kiểm tra ngành vụ giám định quyền đối với giống cây trồng.
*		Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (10TTHC)	
21.	1	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật. (1.003971)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật.
22.	2	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón (1.007929)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón.
23.	3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (1.007927)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

			phân bón.
24.	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (1.007928)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.
25.	5	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón (1.007926)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định công nhận khảo nghiệm phân bón.
26.	6	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (1.004546)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
27.	7	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (1.004524)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
28.	8	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (2.001236)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.
29.	9	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (1.004493)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
30.	10	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (1.003395)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thông báo kết quả kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu.
*		Lĩnh vực Chăn nuôi (11 TTHC)	

31.	1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (1.008126)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi
32.	2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (1.008127)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi
33.	3	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (1.008122)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
34.	4	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước (3.000127)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước
35.	5	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (3.000128)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu
36.	6	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (3.000129)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung
37.	7	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (3.000130)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung
38.	8	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (1.008124)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Xác nhận giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất

			lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu
39.	9	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (1.008125)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Xem xét, quyết định miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu
40.	10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (1.011031)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi
41.	11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (1.011032)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi
*		Lĩnh vực Thú y (10 TTHC)	
42.	1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y) (1.004756)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)
43.	2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y) (1.004734)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)
44.	3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (1.002409)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y
45.	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu

		có liên quan đến tổ chức đăng ký) (1.002373)	thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)
46.	5	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu (1.003703)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu; Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc được thừa nhận: xác nhận trên bản đăng ký kiểm tra chất lượng; Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng: Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.
47.	6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (1.002549)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)
48.	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (1.002432)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)
49.	8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin) (1.013809)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin)
50.	9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền

		thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) (1.013811)	chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)
51.	10	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) (1.013813)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)
*		Lĩnh vực Thủy sản (07 TTHC)	
52.	1	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (1.004943)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm giống thủy sản, giấy phép nhập khẩu giống thủy sản (nếu là sản phẩm nhập khẩu); Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản
53.	2	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (1.004794)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm
54.	3	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (1.004683)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm, giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; Quyết định về việc công nhận thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường đã khảo nghiệm.
55.	4	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông

		mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (2.001694)	nghiệp và Môi trường: Quyết định cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm
56.	5	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế) (1.003851)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)
57.	6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do trung ương quản lý)(1.003741)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do trung ương quản lý)
58.	7	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do trung ương quản lý) (1.003726)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quyết định cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do trung ương quản lý)
*		Lĩnh vực Thủy lợi (15 TTHC)	
59.	1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.004427)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm.
60.	2	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông

		động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001426)	nghiệp và Môi trường: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm.
61.	3	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003211)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên.
62.	4	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003203)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên
63.	5	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003188)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước
64.	6	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.004385)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
65.	7	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ.

		thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001401)	
66.	8	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001791)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
67.	9	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001795)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
68.	10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003870)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
69.	11	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001796)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ.
70.	12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003880)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ.
71.	13	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

		phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003921)	trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng.
72.	14	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003893)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức.
73.	15	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (2.001793)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
*		Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (01 TTHC)	
74.	1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (1.012413)	* Trường hợp phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng 1. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở: ban hành văn bản xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng hoặc thông báo lý do từ chối phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (<i>trường hợp phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành</i>) 2. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở: quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án

			tạm sử dụng rừng hoặc thông báo lý do từ chối phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (<i>trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản</i>) * Trường hợp điều chỉnh quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng 1. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở: ban hành văn bản xin ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng. Trường hợp không phê duyệt trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (<i>trường hợp phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành</i>) 2. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở: Xem xét, quyết định phê duyệt Phương án tạm sử dụng rừng hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng. Trường hợp không phê duyệt trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (<i>trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản đối với diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành</i>)
*		Lĩnh vực Môi trường	
75.	1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh)(1.010733)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
76.	2	Thẩm định phương án cải tạo,	Chủ tịch UBND Thành phố ủy

		phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) (1.010735).	quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản
*		Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (05 TTHC)	
77.	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (1.008682)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn sinh học.
78.	2	Đăng ký tiếp cận nguồn gen (1.004160)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: ký văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen.
79.	3	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.004150)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen
80.	4	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.004096)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen
81.	5	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận
X		Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản (01 TTHC)	
82.	1	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (1.014256)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm IV đối với các dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã

			Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: ký giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản nhóm IV đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã
*		Lĩnh vực Tài nguyên nước (21 TTHC)	
83.	1	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm (1.004223)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 50 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 50m³/ngày đêm
84.	2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm (1.004211)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 50 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 50m³/ngày đêm
85.	3	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.00177)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành thuộc thẩm quyền cấp phép Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình

			đã vận hành thuộc thẩm quyền cấp phép
86.	4	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành (1.009669)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành thuộc thẩm quyền cấp phép
			Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành thuộc thẩm quyền cấp phép
87.	5	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép
			Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép
88.	6	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.000824)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép được uỷ quyền
			Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép được uỷ quyền
89.	7	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.011518)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy

			phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép được uỷ quyền
			Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép được uỷ quyền
90.	8	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (1.012502)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: xác nhận tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch
91.	9	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (1.011516)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển
92.	10	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012503)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân
93.	11	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012504)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: có ý kiến bằng văn bản về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân
94.	12	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004122)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)
95.	13	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (2.001738)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)
96.	14	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.012501)	Chủ tịch UBND Thành phố uỷ quyền cho Giám đốc Sở Nông

			nghiệp và Môi trường: phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)
97.	15	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004253)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn)
98.	16	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 50 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 50m³/ngày đêm
99.	17	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 50 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 50m³/ngày đêm
100.	18	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: phê duyệt Quyết định chấp thuận tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép được ủy quyền

			Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: phê duyệt Quyết định chấp thuận tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp phép được ủy quyền
101.	19	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền cấp phép
			Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền cấp phép
102.	20	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển, cụ thể như sau: - Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ - Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2m³/giây đến dưới 10 m³/giây trở lên - Công trình khai thác nước mặt

		khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3m³/giây đến dưới 10 m³/giây. - Hồ chứa, đập dâng thủy lợi không sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có dung tích toàn bộ từ 5 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³. - Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 5.000 kw. - Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm. - Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100m
		Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển, cụ thể như sau: - Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 1m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³ - Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2m³/giây - Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để

			cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5m³/giây đến dưới 3 m³/giây. - Hồ chứa, đập dâng thủy lợi không sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có dung tích toàn bộ từ 0,2 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³. - Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000kw. - Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm. - Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch trên 30 m đến dưới 60m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước trên 5 m đến dưới 50m
103.	21	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển theo quy mô được ủy quyền cấp phép Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã: gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển theo quy mô được ủy quyền cấp phép